



líng yǔ

囹 圉

noun · prison; jail

Example Sentence

zhè ge chéng yǔ cháng yòng lái bǐ yù xiàn rù kùn jìng rú tóng líng yǔ yī bān
这个成语常用来比喻陷入困境，如同囹圄一般。

This idiom is often used to describe being trapped in a difficult situation, like being in prison.

Trace each character, then write the word on your own.

囹	囹	囹	囹	囹	囹	囹	囹	囹	囹	囹

圉	圉	圉	圉	圉	圉	圉	圉	圉	圉	圉
圉	圉									
